

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/KDTM - ST**

Ngày **11** tháng **09** năm **2023**

“ V/v : *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Đào Thị Thanh Thơm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện VKSND huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST - KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn pH2 tòa số 02/2023/QĐST-KDTM ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở: 266-268 N phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: Số 872 T, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D, Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, Giám đốc chi nhánh Ninh Bình;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Khắc H1, Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, chi nhánh Ninh Bình (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1976; địa chỉ: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/4/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (gọi tắt: Ngân hàng) trình bày:

Ngày 24/6/2022 Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số LD2217400031 với vợ chồng ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H2 theo hợp đồng đã ký ngân hàng cho vợ chồng ông C, bà H2 vay số tiền 2.000.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng đến

24/6/2025 giải ngân làm nhiều đợt, thời hạn mỗi giấy nhận nợ là 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh nông nghiệp.

Cụ thể: Giấy nhận nợ số LD2217800290 với số tiền 250.000.000đ, ngày vay 27/6/2022, ngày đến hạn 27/6/2023; Giấy nhận nợ số LD2218000131 với số tiền 600.000.000đ, ngày vay 29/6/2022, ngày đến hạn 29/6/2023; Giấy nhận nợ số LD221800135 với số tiền 150.000.000đ, ngày vay 29/6/2022, ngày đến hạn 29/6/2023; Giấy nhận nợ số LD2218100169 với số tiền vay 450.000.000đ, ngày vay 30/6/2022, ngày đến hạn 30/6/2023; Giấy nhận nợ số LD2218600039 với số tiền 450.000.000đ, ngày vay 05/7/2022, ngày đến hạn 05/7/2023; Giấy nhận nợ số LD2219200252 với số tiền 100.000.000đ, ngày vay 11/7/2022, ngày đến hạn 11/7/2023.

Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần giải ngân theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi cụ thể trong từng giấy nhận nợ đã nêu trên (theo mẫu của S). Lãi suất cho vay của toàn bộ các giấy nhận nợ sẽ do S quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay này là quyền sử dụng đất tại thửa số 110, tờ bản đồ số 06 được cấp Giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn C; địa chỉ: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình theo hợp đồng thế chấp số LD2217400031/HĐTC1 ngày 24/6/2022 được ký kết giữa ngân hàng với vợ chồng ông C, bà H2. Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay, ông C bà H2 đã thanh toán cho ngân hàng số tiền lãi 107.444.638đ. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng khách hàng không thiện chí trả nợ. Ngày 10/02/2023, do khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngoài ra, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 còn ký kết với ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cụ thể: ngày 15/6/2022, ông Lê Văn C còn ký kết với ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2069310 mang tên Lê Văn C, loại thẻ: VS pay Wave Cre Classic, hạn mức 150.000.000đ, tài sản bảo đảm gắn theo tài sản bảo đảm của khoản vay tại hợp đồng tín dụng/hợp đồng tín dụng hạn mức số LD2217400031 ngày 24/6/2022. Trong quá trình giao dịch thẻ, kể từ ngày kích hoạt đến nay, ông Lê Văn C đã giao dịch bổ sung 249.000.000đ và đã thanh toán cho ngân hàng số tiền (gốc/lãi) 118.271.540 đồng. Qua nhiều lần nhắc nợ nhưng ông C vẫn không trả nợ. Ngày 04/02/2023, do ông Lê Văn C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay thẻ tín dụng sang nợ quá hạn.

Ngày 28/6/2022, bà Nguyễn Thị H2 cũng ký kết với ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2094918 mang tên Nguyễn Thị H2, loại thẻ: VS Pay Wave cre Classic-KH Vay, hạn mức 400.000.000đ, tài sản bảo đảm là tài sản gắn theo tài sản bảo đảm của khoản vay hợp đồng tín dụng/ hợp đồng tín dụng hạn mức số LD2217400031 ngày 24/6/2022. Trong quá trình giao dịch thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà Nguyễn Thị H2 đã giao dịch bổ sung 479.999.991 đồng và thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc/lãi 154.848.292 đồng. Qua nhiều lần nhắc nợ

nhưng bà H2 không trả nợ. Đến ngày 04/02/2023, do bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay thẻ tín dụng sang nợ quá hạn.

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông C và bà H2, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông C và bà H2 vẫn chưa thanh toán nợ vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị kèm hợp đồng đã ký kết.

Do đó, ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải thanh toán số tiền 2.788.711.436đ cho S tính đến ngày 11/9/2023 trong đó:

Nợ vay theo hợp đồng tín dụng số LD2217400031 ký ngày 24/6/2022: 2.211.707.775đ.

Nợ vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2069310 ngày 15/6/2022 mang tên Lê Văn C: 163.291.921đ.

Nợ vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2094918 ngày 28/6/2022 mang tên Nguyễn Thị H2: 413.711.740đ.

Ngoài ra còn lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cũng như buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh liên quan.

Về phía bị đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2:

Sau khi ngH2 cứu, thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhưng ông C và bà H2 không có mặt để làm việc.

Qua xác minh tại địa phương và làm việc với người thân thích là con trai và con rể của ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H2 thì xác định: Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 hiện vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, không tách, chuyển hộ khẩu hay đăng ký tạm trú ở nơi khác. Khoảng tháng 9/2022, ông C, bà H2 không còn sinh sống tại xóm 4, xã K nữa mà đã chuyển đến sinh sống và làm việc tại tỉnh Đắk Nông, không rõ địa chỉ nơi cư trú cụ thể, số điện thoại không liên hệ được. Hiện tài sản bảo đảm là nhà đất tại thửa số 110, tờ bản đồ số 6 tại xóm 4, xã K thuộc quyền sử dụng của ông C, bà H2 không người quản lý

Do đó, Tòa án nhân dân huyện K đã ban hành Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2.

Các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng giao nộp gồm: Quyết định về việc tái bổ nhiệm nhân sự (bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần (bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao chứng thực); Giấy ủy quyền (bản chính); Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng (bản sao chứng thực);

Hồ sơ tính lãi quá hạn (bản chính); Tờ tóm tắt sao kê (bản chính); Thông báo (bản chính); Giấy xác minh (bản chính); Hợp đồng tín dụng (bản sao chứng thực); Giấy đề nghị vay vốn (bản sao); Hợp đồng thế chấp tài sản (bản sao chứng thực); Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao chứng thực); Giấy nhận nợ (bản sao chứng thực); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bản sao chứng thực); Sổ hộ khẩu (bản sao); Căn cước công dân (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn (bản chính); Căn cước công dân (bản sao chứng thực).

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án tiến hành ngày 27/7/2023:
Tài sản thế chấp là nhà đất tại xóm 4, xã K thuộc quyền sử dụng của ông C, bà H2 vẫn giữ nguyên hiện trạng so với thời điểm các bên ký kết hợp đồng thế chấp, không sửa chữa, xây dựng thêm gì.

Tại phiên tòa : Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, không thay đổi bổ sung gì; phía Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn chưa thực hiện được quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Áp dụng các điều 299, 300, 301, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Đề nghị tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng đã ký kết với vợ chồng ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2; buộc vợ chồng ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải thanh toán số tiền 2.788.711.436đ cho S tính đến ngày 11/9/2023.

+ Xử lý tài sản bảo đảm cho các khoản vay theo quy định trong trường hợp ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

+ Về án phí và các chi phí tố tụng khác đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định tại nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và các văn bản pháp luật khác để tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH2 cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại pH2 toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH2 toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ quy định tại Điều 26 khoản 9, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt tại nơi cư trú từ tháng 9/2022 cho đến nay, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, Tòa án nhân dân huyện K đã ban hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, thông báo này đã được đăng trên 3 số báo liên tiếp trong 3 ngày của báo Công Lý và phát trên 3 số phát sóng liên tiếp trong 3 ngày của đài VOV2; cổng thông tin điện tử Tòa án và Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hết thời hạn đăng phát thông báo, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 vẫn không có mặt làm việc theo Thông báo của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngân hàng TMCP S được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, ngành nghề kinh doanh có hoạt động tín dụng gồm có: hoạt động vay vốn, nhận tiền gửi, hoạt động cấp tín dụng...Như vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được thành lập hợp pháp, được quyền khởi kiện các vấn đề liên quan trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số LD2217400031 ký ngày 24/6/2022, thì thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với Khách hàng là cá nhân) số: LD2217400031 ký ngày 24/6/2022. Theo Hợp đồng này, ngân hàng đồng ý cho ông C và bà H2 vay với số tiền là: 2.000.000.000đ đồng (Hai tỉ đồng); Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh nông nghiệp. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần giải ngân theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi cụ thể trong từng giấy nhận nợ đã nêu trên (theo mẫu của S). Lãi suất cho vay của toàn bộ các giấy nhận nợ sẽ do S quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã ký kết với ông C và bà H2 các giấy nhận nợ. Cụ thể:

Ngày 27/6/2022, các bên ký kết giấy nhận nợ số LD2217800290, giải ngân số tiền 250.000.000đ, mục đích sử dụng bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ thời điểm tháng thứ 04 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được S niêm yết tại [www/S.com.vn](http://www.S.com.vn) thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,4%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng, kỳ trả gốc 27/6/2023

Ngày 29/6/2022, các bên ký kết giấy nhận nợ số LD2218000131 và LD2218000135, lần lượt giải ngân số tiền 600.000.000đ và 250.000.000đ, mục đích sử dụng bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ thời điểm tháng thứ 04 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được S niêm yết tại

www/S.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,4%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng, kỳ trả gốc 29/6/2023

Ngày 30/6/2022, các bên ký kết giấy nhận nợ số LD2218100169, giải ngân số tiền 450.000.000đ, mục đích sử dụng bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ thời điểm tháng thứ 04 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được S niêm yết tại www/S.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,4%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng, kỳ trả gốc 30/6/2023

Ngày 05/7/2022, các bên ký kết giấy nhận nợ số LD2218600039, giải ngân số tiền 450.000.000đ, mục đích sử dụng bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ thời điểm tháng thứ 04 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được S niêm yết tại www/S.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,4%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng, kỳ trả gốc 05/7/2023

Ngày 11/7/2022, các bên ký kết giấy nhận nợ số LD2219200252, giải ngân số tiền 100.000.000đ, mục đích sử dụng bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 10%/năm, từ thời điểm tháng thứ 04 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được S niêm yết tại www/S.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,4%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng, kỳ trả gốc 11/7/2023

Trong quá trình trả nợ vay, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 đã trả được 107.444.638 đồng, bao gồm: nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi: 107.444.638 đồng (theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, nợ gốc trả vào cuối kỳ, lãi trả vào ngày 10 hàng tháng). Ngày bắt đầu phát sinh quá hạn của khoản vay là 10/02/2023

Hợp đồng tín dụng số LD2217400031 ký ngày 24/6/2022 và các giấy nhận nợ ký kết vào các ngày 27/6/2022, 29/6/2022, 30/6/2022, 05/7/2022 và 11/7/2022 giữa Ngân hàng với ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 được xác lập giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Việc ông C, bà H2 ký kết hợp đồng với Ngân hàng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015; Đối chiếu các thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ, và hồ sơ tính lãi do Ngân hàng cung cấp, các bên đã thỏa thuận mức “Lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ thời điểm tháng thứ 04 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được S niêm yết tại www/S.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,4%/năm” và “lãi suất nợ quá hạn +50% lãi suất vay đã thỏa thuận trong hợp đồng”. Thỏa thuận này phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, cũng như quy định của pháp luật về lãi suất theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”; Do đó, có căn cứ khẳng định Hợp đồng tín dụng xác lập giữa Ngân hàng và ông C, bà H2 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, có giá trị pháp lý, buộc các bên phải thực hiện.

Ông C và bà H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông C, bà H2 phải thanh toán trả gốc và lãi như thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số LD2217400031 ký ngày 24/6/2022 cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về khoản nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết giữa ngân hàng với ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H2

Ngày 15/6/2022, ông Lê Văn C còn ký kết với ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2069310 mang tên Lê Văn C, loại thẻ: VS pay Wave Cre Classic, hạn mức 150.000.000đ. Trong quá trình giao dịch thẻ, kể từ ngày kích hoạt đến nay, ông Lê Văn C đã giao dịch bổ sung 249.000.000đ và thanh toán cho ngân hàng số tiền (gốc/lãi) 118.271.540 đồng. Qua nhiều lần nhắc nợ nhưng ông C vẫn không trả nợ. Ngày 04/02/2023, do ông Lê Văn C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay thẻ tín dụng sang nợ quá hạn.

Ngày 28/6/2022, bà Nguyễn Thị H2 cũng ký kết với ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2094918 mang tên Nguyễn Thị H2, loại thẻ: VS Pay Wave cre Classic-KH Vay, hạn mức 400.000.000đ, tài sản bảo đảm là tài sản gắn theo tài sản bảo đảm của khoản vay hợp đồng tín dụng/ hợp đồng tín dụng hạn mức số LD2217400031 ngày 24/6/2022. Trong quá trình giao dịch thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà Nguyễn Thị H2 đã giao dịch bổ sung 479.999.991 đồng và thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc/lãi 154.848.292 đồng. Qua nhiều lần nhắc nợ nhưng bà H2 không trả nợ. Đến ngày 04/02/2023, do bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay thẻ tín dụng sang nợ quá hạn.

Cả hai ông bà đều đồng ý sử dụng tài sản bảo đảm của khoản vay hợp đồng tín dụng/ hợp đồng tín dụng hạn mức số LD2217400031 ngày 24/6/2022 là tài sản đảm bảo cho các giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng này.

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2069310 mang tên Lê Văn C, loại thẻ: VS pay Wave Cre Classic; thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2094918 mang tên Nguyễn Thị H2, loại thẻ: VS Pay Wave cre Classic-KH Vay; được ký kết giữa Ngân hàng với ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 được xác lập giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Việc ông C, bà H2 ký kết hợp đồng với Ngân hàng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015; Đối chiếu các thỏa thuận ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, biểu phí sản phẩm thẻ tín dụng S và hồ sơ tính lãi do Ngân hàng cung cấp. Thấy rằng, thỏa thuận này phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, cũng như quy định của pháp luật về lãi suất theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, có căn cứ khẳng định Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng xác lập giữa Ngân hàng và ông C, bà H2 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, có giá trị pháp lý, buộc các bên phải thực hiện.

Do Ông C và bà H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã yêu cầu ông C, bà H2 phải thanh toán trả gốc và lãi như thỏa thuận của Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2069310 mang tên Lê Văn C ngày 15/6/2022, loại

thẻ: VS pay Wave Cre Classic; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2094918 mang tên Nguyễn Thị H2 Ngày 28/6/2022, loại thẻ: VS Pay Wave cre Classic-KH Vay cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về yêu cầu của Ngân hàng đối với việc xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2:

Để đảm bảo cho các khoản vay của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 tại Ngân hàng, các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số LD221740031/HĐTC1, tại Văn phòng Công chứng Quang Linh giữa bên thế chấp là ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H2 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Theo đó ông C, bà H2 thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa số 110; tờ bản đồ số 06; Địa chỉ thửa đất tại xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Diện tích 100 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 308255, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/6/2006 mang tên hộ ông Lê Văn C; toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp và các tài sản xây dựng, sửa chữa thêm gắn liền với tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 24/6/2022 theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, có công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP.

Căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, quy định trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp của bên thế chấp khi ông C, bà H2 không có khả năng thanh toán khoản tiền nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 299, 300, 301 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về án phí, lệ phí tố tụng:

Về lệ phí tố tụng: Phía Ngân Hàng còn có yêu cầu buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật về phía Ngân hàng đã phải nộp chi phí thông báo trên báo Công lý, Đài phát thanh VOV2, cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Ninh Bình, cổng thông tin điện tử Tòa án tỉnh Ninh Bình, tổng chi phí là 5.500.000đ (có hóa đơn); chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ

Về án phí : Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH quy định về án phí, lệ phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp tiền án phí, được trả lại tạm ứng đã nộp. Bị đơn là ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 299, 300, 301, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng đã ký kết với vợ chồng ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2.

2. Buộc vợ chồng ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 2.788.711.436đ cho S tính đến ngày 11/9/2023 trong đó:

Nợ vay theo hợp đồng tín dụng số LD2217400031 ký ngày 24/6/2022: 2.211.707.775đ.

Nợ vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2069310 ngày 15/6/2022 mang tên Lê Văn C: 163.291.921đ.

Nợ vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2094918 ngày 28/6/2022 mang tên Nguyễn Thị H2: 413.711.740đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

3. Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 110, tờ bản đồ số 06 được cấp Giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn C; địa chỉ: xóm 4, xã K, huyện K, được thế chấp tại theo hợp đồng thế chấp số LD2217400031/HĐTC1 ngày 24/6/2022 được ký kết giữa ngân hàng với vợ chồng ông C, bà H2, trong trường hợp vợ chồng ông C và bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự kê biên phát mại đối với tài sản thế chấp theo quy định của luật Thi hành án dân sự để thu hồi vốn đã cho vay.

4. Án phí, chi phí tố tụng:

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 41.848.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004945 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K

Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải nộp 87.774.000đ (đã làm tròn) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H2 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 8.500.000đ chi phí tố tụng bao gồm 5.500.000đ chi phí đăng

phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và 3.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PH2 TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh